

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 056../SAVINACV/2017

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC Q2/2017

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán: VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 3.9348790 Fax: (04)3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
6. Nội dung của thông tin công bố:

Nội dung giải trình: Chênh lệch 567,86% LNST so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2017, Công ty lãi 6.893 triệu đồng, tăng: 567,86% so với báo cáo tại thời điểm 30/06/2016. Nguyên nhân là do:

- Công ty Cổ phần sách Việt Nam được thành lập từ 27/04/2016, kỳ báo cáo quý 2 năm 2016 chỉ tính từ 27/04/2016 đến 30/06/2016.
 - Doanh thu từ hoạt động tài chính quý 2 năm 2017 cao hơn so với cùng kỳ năm 2016. Theo đó tổng doanh thu quý 2 năm 2017 là: 10.438 triệu đồng, tăng 6.363,8% so với cùng kỳ năm 2016.
Lý do: Nguồn tiền phát hành cổ phiếu nhân rồi chưa sử dụng nên cho vay.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



LÊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~097~~ SAVINA/CV/2017

V/v Công bố thông tin BCTC quý II/2017

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán: VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý II năm 2017

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



LÊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	2
Báo cáo của Ban giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 24

THÔNG TIN CHUNG *

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Lê Thăng Long.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



C. Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		691.749.890.974	724.959.645.705
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	106.381.511.976	99.596.238.006
111	1. Tiền		75.381.511.976	76.096.238.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.000.000.000	23.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2.1	15.000.000.000	12.000.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.3	564.428.669.477	608.788.626.799
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3.1	6.218.142.730	5.222.695.829
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3.2	1.695.002.144	728.020.699
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.3.3	554.000.000.000	600.000.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.3.4	2.511.105.014	2.781.311.806
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.3.5	4.419.589	56.598.465
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	5.838.619.959	4.571.780.900
141	1. Hàng tồn kho		5.838.619.959	4.571.780.900
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	101.089.562	3.000.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.5.1	101.089.562	
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.5.2		3.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.641.978.876	38.223.891.664
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	V.6	135.000.000	
216	6. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	
220	II. Tài sản cố định	V.7	9.442.325.993	9.853.316.548
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7.1	9.239.149.402	9.626.993.259
222	- Nguyên giá		18.833.099.502	18.833.099.502
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.593.950.100)	(9.206.106.243)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7.2	203.176.591	226.323.289
228	- Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.290.409)	(5.143.711)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.8	13.319.864.386	14.099.466.110
231	- Nguyên giá		32.885.692.485	32.885.692.485
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(19.565.828.099)	(18.786.226.375)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.9	6.000.000.000	4.500.000.000
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.000.000.000	4.500.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2.2	9.394.762.191	9.394.762.191
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.239.919.511	3.239.919.511
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.340.360.000	15.340.360.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	V.10	350.026.306	376.346.815
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		350.026.306	376.346.815
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		730.391.869.850	763.183.537.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.602.937.553	59.247.285.231
310	I. Nợ ngắn hạn	V.11	12.803.628.353	58.525.976.031
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11.1	6.141.819.152	6.779.361.471
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11.2	306.952.800	27.930.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	V.11.3	64.170.328	3.340.331.187
314	4. Phải trả người lao động	V.11.4		547.712.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11.5	181.190.000	44.152.987.647
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.11.6	792.004.226	495.146.459
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.11.7	5.317.491.847	3.182.505.918
330	II. Nợ dài hạn	V.12	799.309.200	721.309.200
337	7. Phải trả dài hạn khác		799.309.200	721.309.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		716.788.932.297	703.936.252.138
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	716.788.932.297	703.936.252.138
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.791.507.009	71.791.507.009
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(34.102.174.712)	(46.954.854.871)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(46.536.951.657)	(46.954.854.871)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.434.776.945	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		730.391.869.850	763.183.537.369

Nguyễn Thị Minh

Đặng Xuân Ánh



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 07 năm 2017

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm 2017	Cho giai đoạn từ 27/04/16 đến 30/06/16	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2017	Cho giai đoạn từ 27/04/16 đến 30/06/16
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.014.074.469	4.697.443.001	12.532.960.142	4.697.443.001
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		3.288.428		3.288.428	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	VI.1	7.010.786.041	4.697.443.001	12.529.671.714	4.697.443.001
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	5.010.115.384	2.989.265.431	8.847.414.254	2.989.265.431
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.000.670.657	1.708.177.570	3.682.257.460	1.708.177.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	10.438.190.315	164.024.825	21.235.360.660	164.024.825
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	13.572.788		13.719.489	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay					
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.254.058.576	894.193.708	3.221.108.101	894.193.708
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	3.667.579.287	2.541.440.869	9.649.520.786	2.541.440.869
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		6.503.650.321	(1.563.432.182)	12.033.269.744	(1.563.432.182)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	389.614.006	91.977.090	401.507.201	91.977.090
32	12. Chi phí khác					
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		389.614.006	91.977.090	401.507.201	91.977.090

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm 2017	Cho giai đoạn từ 27/04/16 đến 30/06/16	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2017	Cho giai đoạn từ 27/04/16 đến 30/06/16
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		6.893.264.327	(1.471.455.092)	12.434.776.945	(1.471.455.092)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành			1.899.600		1.899.600
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		6.893.264.327	(1.473.354.692)	12.434.776.945	(1.473.354.692)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.9	102		183	
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)					



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 07 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho giai đoạn từ ngày 27/04/16 đến 30/06/16
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.434.776.945	(1.471.455.092)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		1.190.592.279	406.402.711
03	- Các khoản dự phòng			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.235.360.660)	164.024.825
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.609.991.436)	(901.027.556)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.178.882.241)	1.208.751.629
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.266.839.059)	322.463.238
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(45.226.444.464)	3.892.347.781
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		26.320.509	(850.985.299)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(56.255.836.691)	3.671.549.793
	II: Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(1.500.000.000)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		46.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.541.110.661	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		63.041.110.661	
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		6.785.273.970	3.671.549.793
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		99.596.238.006	699.919.779.201
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		106.381.511.976	703.591.328.994

Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 07 năm 2017

Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng

Lê Thăng Long

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: 65 người (ngày 30/06/2016: 90 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại

Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 - 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

15. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản-thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch

tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	152.133.407	149.169.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.229.378.569	75.947.068.598
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	23.500.000.000
	106.381.511.976	99.596.238.006

2. Đầu tư tài chính

2.1 - Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	15.000.000.000	15.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	15.000.000.000	15.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

2.2 - Đầu tư tài chính dài hạn

a - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần in Sách Việt Nam

	30/06/2017	01/01/2017
- Giá gốc khoản đầu tư	3.239.919.511	3.239.919.511
- Dự phòng	-	-
- Giá trị hợp lý	3.239.919.511	3.239.919.511

b - Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty liên doanh TNHH Kim Ngọc

	30/06/2017	01/01/2017
- Giá gốc khoản đầu tư	15.340.360.000	15.340.360.000
- Dự phòng	(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
- Giá trị hợp lý	6.154.842.680	6.154.842.680

Tổng

	9.394.762.191	9.394.762.191
--	----------------------	----------------------

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

3.1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Phải thu của khách hàng	6.218.142.730	5.222.695.829
Trong đó		
<i>Công ty cổ phần in Sách Việt Nam</i>	4.896.850.377	3.983.689.384
<i>Các đối tượng khác</i>	1.321.292.353	1.239.006.445

3.2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Trả trước ngắn hạn cho người bán	1.695.002.144	728.020.699
Trong đó		
<i>Bản quyền sách Almanach</i>	675.687.091	675.687.091
<i>Các đối tượng khác</i>	1.019.315.053	52.333.608

3.3 - Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	554.000.000.000	554.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
	554.000.000.000	554.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một doanh nghiệp vay theo hợp đồng số 01/2016/GNN thời hạn cho vay 01 năm từ ngày 13/07/2016 đến ngày 13/07/2017 với lãi suất 7%/năm.

3.4 - Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Tạm ứng cho nhân viên	87.090.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	8.964.940	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.415.050.074	2.781.311.806
- Phải thu về quỹ cổ phần hóa	119.005.135	119.005.135
- Phải thu khác (nợ cũ)	53.239.386	113.751.117
- Phải thu lãi dự trả	2.242.805.553	2.548.555.554
	2.511.105.014	2.781.311.806

3.5 - Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
Hàng tồn kho	4.419.589	56.598.465
	4.419.589	56.598.465

4. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Công cụ dụng cụ	-	-	26.597.272	26.597.272
Hàng hóa	5.838.619.959	5.838.619.959	4.545.183.628	4.545.183.628
	5.838.619.959	5.838.619.959	4.571.780.900	4.571.780.900

5. Tài sản ngắn hạn khác

5.1 - Thuế GTGT được khấu trừ

	30/06/2017	01/01/2017
Thuế GTGT được khấu trừ	101.089.562	-
	101.089.562	-

5.2 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2017	01/01/2017
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	3.000.000
	-	3.000.000

6. Các khoản phải thu dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Phải thu dài hạn khác (đặt cọc, ký quỹ)	135.000.000	-
	135.000.000	-

7. Tài sản cố định

7.1 - Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	14.800.560.239	913.524.181	3.119.015.082	18.833.099.502
Số cuối kỳ	14.800.560.239	913.524.181	3.119.015.082	18.833.099.502
Giá trị hao mòn				0
Số đầu kỳ	6.026.312.204	613.539.806	2.566.254.233	9.206.106.243
KH trong kỳ	269.813.363	32.934.930	85.095.564	387.843.857
Số cuối kỳ	6.296.125.567	646.474.736	2.651.349.797	9.593.950.100
Giá trị còn lại				0
Số đầu kỳ	8.774.248.035	299.984.375	552.760.849	9.626.993.259
Số cuối kỳ	8.504.434.672	267.049.445	467.665.285	9.239.149.402

7.2 - Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	231.467.000
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị hao mòn trong kỳ	
Số đầu kỳ	5.143.711
Hao mòn trong kỳ	23.146.698
Số cuối kỳ	28.290.409
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	226.323.289
Số cuối kỳ	203.176.591

8. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	29.564.429.606		3.321.262.879	32.885.692.485
Số cuối kỳ	29.564.429.606	-	3.321.262.879	32.885.692.485
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	16.052.719.017	-	2.733.507.358	18.786.226.375
KH trong năm	700.217.892	-	79.383.832	779.601.724
Số cuối kỳ	16.752.936.909	-	2.812.891.190	19.565.828.099
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	13.511.710.589	-	587.755.521	14.099.466.110
Số cuối kỳ	12.811.492.697	-	508.371.689	13.319.864.386

9. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng khu 22A Hai Bà Trưng	6.000.000.000	6.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
	6.000.000.000	6.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000

10. Tài sản dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công cụ, dụng cụ	350.026.306	376.346.815
Chi phí tiền thuê đất và thuê nhà	-	-
Tổng cộng	350.026.306	376.346.815

11. Nợ ngắn hạn

11.1 - Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	6.141.819.152	6.141.819.152	6.779.361.471	6.779.361.471
Trong đó				
- Công ty TNHH thương mại Nhất Thống			1.008.644.872	1.008.644.872
Các đối tượng khác	6.141.819.152	5.948.694.963	5.770.716.599	5.770.716.599

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

11.2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Người mua trả tiền trước	306.952.800	27.930.400
	306.952.800	27.930.400

11.3 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	<u>30/06/2017</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>01/01/2017</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(815.097.916)	1.563.528.265	2.378.626.181
Thuế nhập khẩu	-	7.000.517	7.000.517	-
Thuế thu nhập cá nhân	64.170.328	130.480.306	129.157.994	62.848.016
Thuế GTGT phải nộp	-	-	38.817.604	38.817.604
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	28.116.734	28.116.734	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí khác	-	401.571.463	1.261.610.849	860.039.386
	64.170.328	(244.928.896)	3.031.231.963	3.340.331.187

11.4 - Phải trả người lao động

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Lương và các khoản phải trả	-	547.712.949
	-	547.712.949

11.5 - Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Chi phí bán hàng trích trước	181.190.000	192.320.000
Phải trả tiền thuê nhà và đất	-	43.960.667.647
Trong đó		
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý phát triển nhà Hà Nội</i>		23.977.341.676
<i>Chi cục Thuế Hoàn Kiếm</i>		19.983.325.971
	181.190.000	44.152.987.647

11.6 - Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	792.004.226	495.146.459
	792.004.226	495.146.459

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

11.7 - Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	-	49.271.309
Bảo hiểm xã hội	-	96.329
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	3.317.491.847	3.133.138.280
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.000.000.000	-
	5.317.491.847	3.182.505.918

12. Nợ dài hạn

	30/6/2017	01/01/2017
Phải trả dài hạn khác	799.309.200	721.309.200
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	-	-
	799.309.200	721.309.200

13. Vốn chủ sở hữu*a - Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	(46.954.854.871)	703.936.252.138
Lãi trong năm nay			12.434.776.945	12.434.776.945
Giảm khác (*)			417.903.214	417.903.214
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	(34.102.174.712)	716.788.932.297

(*) Điều chỉnh các chi phí liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	3.785.909.400	2.296.360.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.224.876.641	2.401.082.299
	7.010.786.041	4.697.443.001

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	2.828.640.608	1.556.631.812
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	2.181.474.776	1.432.633.619
	5.010.115.384	2.989.265.431

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Lãi tiền gửi ngân hàng	635.468.093	164.024.825
Lãi cho vay	9.802.722.222	-
	10.438.190.315	164.024.825

4. Chi phí tài chính

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.572.788	-
	13.572.788	-

5. Chi phí bán hàng

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Chi phí nhân viên	1.782.391.090	802.283.734
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	47.772.115	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.114.500
Chi phí bảo hành	-	1.955.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.643.521	7.322.175
Chi phí bằng tiền khác	243.251.850	81.517.860
	2.254.058.576	894.193.708

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Chi phí nhân viên quản lý	505.053.021	825.966.252
Chi phí vật liệu quản lý	-	164.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.368.234	18.473.616
Chi phí khấu hao TSCĐ	594.897.244	244.172.061
Thuế, phí và lệ phí	221.064.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.228.606.455	1.443.856.667
Chi phí bằng tiền khác	71.590.000	8.808.000
	3.667.579.287	2.541.440.869

7. Thu nhập khác

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Thu nhập khác từ vi phạm hợp đồng	10.636.364	-
Thu nhập khác	378.977.642	91.977.090
	389.614.006	91.977.090

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.899.600
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	1.899.600

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Quý II/ 2017	Cho kỳ từ 27/04/16 đến 30/06/16
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	6.893.264.327	(1.473.354.692)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.893.264.327	(1.473.354.692)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 44 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

B09-DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Đến thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa hoàn thành thủ tục quyết toán vốn nhà nước với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chính thức bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, số liệu đầu kỳ có thể thay đổi theo quyết định chính thức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 07 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



C.T. Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc